

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG ĐIỀN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **19** /2022/HS-ST
Ngày 26-5-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Na.

2. Ông Nguyễn Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Chiến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2022/TLST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 17/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn T1, sinh ngày 10-10-1993, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký NKTT và chỗ ở: Thôn C, xã P, huyện PĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn B, sinh năm 1964 và bà Trương Thị Tuyết M, sinh năm 1972; có vợ là Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1996; có một người con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; *có mặt*.

2. Lê Văn L, sinh ngày 10-01-1991, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký NKTT và chỗ ở: Thôn C, xã P, huyện PĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn B, sinh năm 1964 và bà Trương Thị Tuyết M, sinh năm 1972; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; *có mặt*.

3. Trần T2, sinh ngày 20-01-1998, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký NKTT và chỗ ở: Thôn C, xã P, huyện PĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Q, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn

chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; *có mặt*.

4. Đinh Văn C, sinh ngày 30-3-1990, tại tỉnh Ninh Bình; nơi đăng ký NKTT: Đội 13, thôn L, xã T, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình; nơi tạm trú: Thôn C, xã P, huyện PĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn T, sinh năm 1967 và bà Bùi Thị N, sinh năm 1971; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; *có mặt*.

5. Lê Ngọc T3, sinh ngày 28-12-1981, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký NKTT và chỗ ở: Thôn B, xã P, huyện PĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê D, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1957; có vợ là Đặng Thị T, sinh năm 1986; có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; *có mặt*.

6. Trần B, sinh ngày 14-01-1991, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký NKTT và chỗ ở: Thôn C, xã P, huyện PĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần P (đã chết); con bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1969; có vợ là Võ Thị Y, sinh năm 1992; có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; *có mặt*.

7. Lê Viết T4, sinh ngày 02-12-1992, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký NKTT và chỗ ở: Thôn C, xã P, huyện PĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Viết T, sinh năm 1960 và bà Trương Thị H, sinh năm 1958; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; *có mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 26-01-2022, sau khi uống cà phê cùng nhau Lê Văn T1, Trần B, Lê Văn L và Trần T2 rủ nhau đến Khu nhà ở công nhân của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng hạ tầng và khai thác mỏ T (sau đây viết tắt là Công ty T) tại thôn C, xã P, huyện PĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế là nơi làm việc để đánh bạc. Trần B nói có việc riêng nên đến tham gia sau. Khi L, T1 và T2 đến nơi thì có thêm Đinh Văn C cũng là công nhân của Công ty T tham gia.

Tại đây, C chuẩn bị 01 bộ xóc đĩa gồm 01 chén sứ, 01 đĩa sứ và 04 con vị hình tròn cắt từ bài tú lơ khơ để đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa do Lê Văn T1 là người làm cái. Cả bốn người đánh được một lúc thì lần lượt có Lê Ngọc T3, tiếp đến có Lê Viết T4 và sau cùng Trần B đến tham gia đánh bạc.

Hình thức đánh bạc như sau: Người làm cái dùng 04 con vị cắt từ bài tú lơ khơ có hai mặt đen và trắng bỏ vào một cái đĩa và dùng một cái chén úp lại rồi xóc nhiều lần. Sau khi xóc, người chơi đặt cược tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng theo hai cửa chẵn hoặc lẻ. Đặt tiền xong cái mở chén, căn cứ vào hình 04 con vị để xác định kết quả thắng thua. Nếu ra hai 02 mặt trắng 02 mặt đen hoặc 04 mặt trắng hoặc 04 mặt đen là chẵn. Nếu ra 03 mặt đen 01 mặt trắng hoặc 03 mặt trắng 01 mặt đen là lẻ. Tỷ lệ tiền thắng cược là đặt 1 thắng 1.

Đến khoảng 22 giờ 15 phút ngày 26-01-2022, Công an xã P phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, tạm giữ giữa chiếu bạc số tiền 6.500.000 đồng và trong người của Trần B 2.000.000 đồng, của Lê Văn L 1.900.000 đồng, của Lê Viết T4 1.500.000 đồng là tiền sử dụng để đánh bạc; tổng cộng 11.900.000 đồng (Mười một triệu chín trăm nghìn đồng).

Tại thời điểm bắt giữ, Lê Văn T1, Đinh Văn C, Lê Ngọc T3 và Trần T2 bỏ chạy. Sau đó, cả bốn đã đến trình diện và T2 nộp lại 1.000.000 đồng, T1 nộp lại 270.000 đồng là tiền dùng để đánh bạc.

Vật chứng đã thu giữ gồm:

- Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam 13.170.000 đồng (Mười ba triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng).

- 01 bộ xóc đĩa gồm 01 chén sứ, 01 đĩa sứ và 04 con vị, hình tròn, cắt từ bài tú lơ khơ.

Tại Bản Cáo trạng số: 13/CT-VKS-PĐ ngày 14-4-2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định truy tố Lê Văn T1, Lê Văn L, Trần T2, Đinh Văn C, Lê Ngọc T3, Trần B và Lê Viết T4 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt các bị cáo Lê Văn T1 và Đinh Văn C mỗi người từ 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) đến 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng); xử phạt các bị cáo Lê Văn L, Trần T2, Lê Ngọc T3, Trần B và Lê Viết T4 mỗi người từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Đề nghị căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 13.170.000 đồng đồng là tiền đánh bạc; tịch thu tiêu hủy 01 bộ xóc đĩa gồm 01 chén sứ, 01 đĩa sứ và 04 con vị là công cụ phạm tội.

Quá trình điều tra và truy tố, các bị cáo không có ý kiến, khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan và người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội.

Trong lời bào chữa, các bị cáo đều không có ý kiến gì về hành vi, tội danh và các vấn đề khác.

Nói lời sau cùng tại phiên tòa, các bị cáo đều mong Hội đồng xét xử xem xét

giảm nhẹ mức phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Các quyết định, hành vi tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai trong quá trình điều tra, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án nên có cơ sở kết luận:

Vào khoảng 19 giờ 30 phút đến khoảng 22 giờ 15 phút ngày 26-01-2022, tại Khu nhà ở công nhân Công ty T thuộc địa bàn xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, các bị cáo Lê Văn T1, Lê Văn L, Trần T2, Đinh Văn C, Lê Ngọc T3, Trần B và Lê Việt T4 đã thực hiện hành vi đánh bạc với nhau bằng hình thức “xóc đĩa” được thua bằng tiền, bị bắt quả tang với tang số 13.170.000 đồng (Mười ba triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng). Thời điểm thực hiện hành vi, các bị cáo đều có năng lực trách nhiệm hình sự.

Do đó, hành vi của các bị cáo phạm vào tội “Đánh bạc”; tội danh và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò và nhân thân các bị cáo:

Các bị cáo là người đã thành niên, nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép bị pháp luật cấm. Các bị cáo đều có nghề nghiệp và có sức khỏe để lao động tạo thu nhập nhưng với ý thức coi thường pháp luật, động cơ háms lợi, mục đích thu lợi bất chính và thói quen vui chơi thiếu lành mạnh đã phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự, an toàn công cộng, ảnh hưởng môi trường văn hóa tốt đẹp ở khu dân cư.

Tuy nhiên, việc đánh bạc chỉ mang tính chất bộc phát, chủ yếu là những người làm việc cùng, có quen biết nhau; số tiền đánh bạc là không quá lớn.

Xét tính chất đồng phạm thì các bị cáo không có sự câu kết, bàn bạc chặt chẽ nên mang tính chất đồng phạm đơn giản. Xét về vai trò thì các bị cáo đánh bạc với nhau nên là người thực hành. Trong đó, các bị cáo Lê Văn T1, Lê Văn L, Trần B, Trần T2 là những người khởi xướng, rủ rê nhau; bị cáo Đinh Văn C là người mua bài, chuẩn bị công cụ đánh bạc và đồng ý cho đánh bạc ngay tại chỗ ở; bị cáo T1 là người trực tiếp làm cái trong quá trình đánh bạc; các bị cáo T1, C, T2 còn bỏ chạy khi bị phát hiện; bị cáo Lê Việt T4 tham gia sau và thái độ chấp hành nghiêm túc

khi bị bắt. Do đó, các bị cáo T1 và C phải chịu trách nhiệm lớn nhất, tiếp đến các bị cáo L, B, T2, T3 và cuối cùng là bị cáo T4.

Về nhân thân các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; lần phạm tội này là phạm tội lần đầu và thuộc trước hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về hình phạt: Trên cơ sở tính chất và mức độ tội phạm, vai trò, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích, xét thấy tội phạm thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quyết định hình phạt chính là phạt tiền với mức tương xứng để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung là thỏa đáng. Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xét thấy:

- Số tiền 13.170.000 đồng (Mười ba triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng) đã thu giữ là tiền đánh bạc, đang nộp vào tài khoản tại Kho bạc Nhà nước huyện Phong Điền, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- 01 bộ xóc đĩa gồm 01 chén sứ, 01 đĩa sứ và 04 con vị hình tròn cắt từ bài tú lơ khơ là công cụ phạm tội, không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn T1, Lê Văn L, Trần T2, Đinh Văn C, Lê Ngọc T3, Lê Viết T4 và Trần B phạm tội “Đánh bạc”.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

- Xử phạt Lê Văn T1 số tiền 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt Đinh Văn C số tiền 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt Lê Văn L số tiền 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt Trần T2 số tiền 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt Lê Ngọc T3 số tiền 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt Trần B số tiền 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt Lê Viết T4 số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015,

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 13.170.000 đồng (Mười ba triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng) đang nộp vào tài khoản tại Kho bạc Nhà nước huyện Phong Điền theo Ủy nhiệm chi ngày 13-5-2022.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bộ xóc đĩa gồm 01 (một) chén sứ, 01 (một) đĩa sứ và 04 (bốn) con vị hình tròn, cắt từ bài tú lơ khơ.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Các bị cáo Lê Văn T1, Lê Văn L, Trần T2, Đinh Văn C, Lê Ngọc T3, Lê Viết T4 và Trần B mỗi người phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Công an tỉnh TT Huế (PV06);
- Sở Tư pháp tỉnh TT Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- Công an huyện Phong Điền;
- CCTHADS huyện Phong Điền;
- Các bị cáo;
- Lưu: HSVA, THAHS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Trường